

BỘ XÂY DỰNG
Số: 102/BXD-GD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 1992

ĐIỀU LỆ

Quản lý chất lượng công trình xây dựng

(Ban hành kèm theo quyết định của Bộ trưởng Bộ xây dựng
số 102/BXD-GD ngày 15-6-1992)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Yêu cầu cơ bản của công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng:

Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng là một khâu quan trọng trong quản lý xây dựng cơ bản, nhằm làm cho công trình xây dựng thoả mãn các tính năng cụ thể phải có về bảo đảm hiệu quả đầu tư, tính ổn định, an toàn, tiện nghi, thẩm mỹ, môi trường, phù hợp với các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc cơ bản của công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng:

- Phòng ngừa không để các vi phạm chất lượng phát sinh.
- Thể hiện trong tất cả các khâu, từ chuẩn bị xây dựng đến xây lắp, đưa công trình vào sản xuất, sử dụng.
- Phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng, không để gây sự cố làm thiệt hại về người và của.
- Nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp, gắn lợi ích kinh tế với trách nhiệm của mọi thành viên có liên quan đến xây dựng công trình trong khâu đảm bảo chất lượng công trình.

Điều 3. Nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

A. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Tổ chức cơ quan thích hợp để quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Ban hành hoặc trình nhà nước ban hành các chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, quy định việc áp dụng TCVN và các tiêu chuẩn nước ngoài liên quan đến chất lượng công trình xây dựng.
3. Thanh tra, kiểm tra, giám định Nhà nước và là trọng tài giải quyết các tranh chấp về chất lượng công trình xây dựng.
4. Quản lý Nhà nước các hoạt động về quản lý chất lượng công trình xây dựng.
5. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và thông tin nghiệp vụ về chất lượng công trình xây dựng.

B. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT

1. Có tổ chức thích hợp để kiểm tra, quản lý chất lượng sản phẩm, công trình xây dựng một cách có hệ thống.
2. Các đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng, hàng hoá, thiết bị dùng trong các công trình xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm và quản lý chất lượng theo quy định của Nhà nước.
3. Các đơn vị khảo sát, thiết kế, xây lắp phải có quy trình quản lý chất lượng sản phẩm phù hợp, chịu trách nhiệm trước pháp luật về phần việc của mình trong công trình xây dựng, phải quy định thời gian bảo hành. Quá trình đưa công trình vào sử dụng, sản xuất, nếu có sự cố lớn trong lúc tuổi thọ công trình vẫn còn, các đơn vị khảo sát, thiết kế, xây lắp vẫn bị truy cứu trách nhiệm nếu nguyên nhân sự cố đó là do vi phạm chất lượng khảo sát, thiết kế, xây lắp gây ra.
4. Các đơn vị là chủ đầu tư công trình xây dựng:
 - a) Công trình thuộc sở hữu Nhà nước - Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng một cách toàn diện. Nếu không đủ trình độ về kỹ thuật xây dựng phải thuê tổ chức (hoặc cá nhân) có đủ điều kiện chuyên môn để quản lý chất lượng công trình.
 - b) Công trình thuộc các sở hữu khác. Chủ đầu tư nếu không đủ trình độ về kỹ thuật xây dựng phải thuê tổ chức (hoặc cá nhân) có đủ điều kiện chuyên môn thực hiện xây dựng và quản lý chất lượng công trình. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về thủ tục xây dựng bảo vệ môi trường, an toàn cho người và phòng chống cháy.

Điều 4. Công trình đạt tiêu chuẩn chất lượng xây dựng để được nghiệm thu, cấp giấy sử dụng, phải có đủ các yêu cầu tối thiểu sau:

1. Hồ sơ nghiệm thu chất lượng từng phần việc và toàn bộ công trình, hồ sơ hoàn công; hồ sơ hướng dẫn sử dụng, giấy bảo hành, giấy phép đưa công trình vào sử dụng.
2. Công trình được xây dựng theo quy hoạch và các quy định trong giấy phép xây dựng.
3. Thiết kế kỹ thuật đúng quy trình quy phạm và đáp ứng yêu cầu của luận chứng kinh tế kỹ thuật, báo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt hoặc yêu cầu xây dựng đặt ra.
4. Vật liệu xây dựng, trang thiết bị đưa vào công trình phải đảm bảo chất lượng, đúng theo thiết kế quy hoạch.
5. Thi công xây lắp đúng tiêu chuẩn quy trình kỹ thuật, đúng giấy phép xây dựng, đúng thiết kế kỹ thuật được duyệt.

Điều 5. Phạm vi và đối tượng áp dụng bản điều lệ.

1. Phạm vi ở tất cả các công trình xây dựng, không phân biệt quy mô, xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, không phân biệt nguồn vốn, hình thức đầu tư, hình thức sở hữu đều phải tuân thủ các quy định của bản điều lệ này.
2. Đối tượng: áp dụng cho mọi tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế, kể cả các tổ chức, cá nhân người nước ngoài đến hành nghề xây dựng ở Việt Nam.

Điều 6. Để đảm bảo chất lượng công trình xây dựng, nghiêm cấm.

1. Mọi hành vi gian dối về chất lượng công trình xây dựng;
2. Sử dụng các tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành đã hết hiệu lực, các tiêu chuẩn của nước ngoài khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.
3. Sử dụng những người không có chuyên môn, không đúng chuyên ngành để quản lý chất lượng công trình xây dựng.
4. Bàn giao đưa vào sử dụng từng bộ phận hoặc toàn bộ công trình khi chưa được nghiệm thu.
5. Mọi tổ chức, cá nhân không có giấy phép hành nghề thực hiện kinh doanh xây dựng (bao gồm khảo sát, thiết kế, xây lắp, kiểm tra kỹ thuật).

Điều 7. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia công tác xây dựng công trình.

1. Tổ chức, cá nhân nào thực hiện phần việc nào thì chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình phần việc đó.

2. Tổ chức, cá nhân nào thực hiện việc giám sát, kiểm tra đánh giá chất lượng công trình phần việc nào thì chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra đánh giá chất lượng công trình phần việc đó.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

MỤC 1

BAN HÀNH VÀ ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN

Điều 8. Tiêu chuẩn xây dựng là văn bản pháp chế kỹ thuật, quy định quy cách, chỉ tiêu, yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, kiểm định chất lượng sản phẩm xây dựng công trình xây dựng trong các giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị xây dựng, xây lắp, nghiệm thu bàn giao và sử dụng công trình.

Điều 9. Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) trong xây dựng gồm tiêu chuẩn Việt Nam bắt buộc áp dụng và tiêu chuẩn Việt Nam khuyến khích áp dụng.

1. Các tiêu chuẩn Việt Nam bắt buộc áp dụng là tiêu chuẩn liên quan đến ổn định độ bền, tuổi thọ, an toàn, vệ sinh, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy công trình.

Các tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng bắt buộc phải cam kết áp dụng các tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành (TCN) khi ký kết hợp đồng xây dựng với các chủ đầu tư công trình.

2. Các tiêu chuẩn khuyến khích sử dụng là tiêu chuẩn nhằm nâng cao chất lượng công trình xây dựng, có các chỉ tiêu chất lượng cao hơn quy định của tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành.

3. Hai năm một lần Bộ Xây dựng công bố bằng văn bản danh mục các tiêu chuẩn Việt Nam , tiêu chuẩn ngành bắt buộc áp dụng trong xây dựng.

Trường hợp cần sử dụng tiêu chuẩn của nước ngoài phải được Bộ Xây dựng thoả thuận.

MỤC 2

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC KHẢO SÁT, ĐO ĐẠC XÂY DỰNG

Điều 10. Mọi công tác khảo sát, đo đạc xây dựng phải thực hiện đúng phương án kỹ thuật đã được duyệt, đúng quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn hiện hành. Báo cáo kỹ thuật khảo sát, đo đạc xây dựng phải được xét duyệt, nghiệm thu theo đúng quy trình kỹ thuật. Các mốc đo đạc,

các hồ sơ tài liệu khảo sát đo đạc phải bảo vệ và lưu trữ đầy đủ, không được làm giảm độ chính xác ban đầu.

Điều 12. Nghiêm cấm những việc làm sau:

1. Khảo sát, đo đạc xây dựng không có giấy phép hành nghề hoặc đi mượn giấy phép hành nghề.
2. Sử dụng lại các kết quả khảo sát, đo đạc các số liệu đã có sẵn từ trước mà không được kiểm tra, đánh giá lại.
3. Cung cấp các số liệu không trung thực, sửa chữa, tẩy xóa các số liệu, ghi chép tại hiện trường.
4. Trốn tránh kiểm tra, thẩm tra, xét duyệt tài liệu khảo sát xây dựng do Nhà nước quy định.

MỤC 3

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THIẾT KẾ XÂY DỰNG

Điều 13. Đối với đơn vị thiết kế:

1. Thiết kế phải đáp ứng các yêu cầu đề ra trong luận chứng kinh tế kỹ thuật (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) được duyệt và tuân theo quy trình, quy phạm định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn Nhà nước. Tất cả các điều đó phải được thể hiện cụ thể trong các hợp đồng thiết kế giữa các bên.
2. Công việc thiết kế, lập tổng dự toán phải được tiến hành theo đúng các quy định Điều 16, 17 của Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản theo Nghị định 385-HĐBT ngày 7-11-1990.
3. Phải tổ chức kiểm tra kỹ thuật, có dấu kiểm tra chất lượng thiết kế trước lúc giao hồ sơ, thực hiện đầy đủ quyền tác giả và chế độ giám sát tác giả. Đối với các công trình kỹ thuật phức tạp Bộ chủ quản đơn vị thiết kế phải tổ chức xét duyệt thiết kế theo các quy định hiện hành.
4. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật phải đảm bảo đủ các nội dung quy định phải kèm theo.

Điều 14. Việc thẩm tra và xét duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình xây dựng phải được tiến hành theo phân cấp đã được quy định ở Điều 18 của Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản theo Nghị định 385-HĐBT và theo văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Điều 15. Chỉ tổ chức thiết kế mới có quyền sửa đổi thiết kế khi cần thiết nhưng các sửa đổi đó không được khác cơ bản với thiết kế kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các thay